

Số: **3457** /QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày **21** tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn
Một thành viên Lâm nghiệp Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh
doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài
sản tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày
13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp
và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn
nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Theo đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Sóc Trăng
(Tờ trình số 13/TTr-BĐM ngày 13/12/2022).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp), Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ; Chủ tịch, Giám đốc, Ban kiểm soát Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Quốc Nam



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Sóc Trăng

(Kèm theo Quyết định số **3457** /QĐ-UBND ngày **21** tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Sóc Trăng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “Công ty” là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Sóc Trăng.
 - b) “Phân trường” là đơn vị trực thuộc của Công ty, có nhiệm vụ thực hiện một số chức năng của Công ty theo phân cấp.
 - c) “Người quản lý Công ty” bao gồm Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
 - d) Người đại diện theo pháp luật là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
 - đ) “Cơ quan đại diện chủ sở hữu” của Công ty là Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.
2. Các từ và thuật ngữ khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp hiện hành và pháp luật khác có liên quan.
3. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những nội dung sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Tên Công ty

1. Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP SÓC TRĂNG.
2. Tên viết bằng tiếng nước ngoài: SOC TRANG FORESTRY ONE MEMBER COMPANY LIMITED.
3. Loại hình doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

Điều 4. Trụ sở chính và địa chỉ các Phân trường

1. Địa chỉ trụ sở chính: Số 16 đường Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Điện thoại: 0299.3824996 Fax: 0299.3824996

- Email: lamnghiepsoctrang1@gmail.com

- Website: www.lamnghiep.soctrang.gov.vn

2. Các Phân trường

a) Phân trường Mỹ Phước 1: Xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

b) Phân trường Mỹ Phước 2: Xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

c) Phân trường Phú Lợi: Xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

d) Phân trường Thạnh Trị: Xã Long Bình, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Điều 5. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Công ty có tư cách pháp nhân và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng.

3. Công ty có con dấu riêng theo quy định của Nhà nước. Con dấu của Công ty được quản lý và sử dụng tại trụ sở chính của Công ty.

4. Công ty hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của mình.

5. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

Điều 6. Mục tiêu, ngành nghề và phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh

a) Mục tiêu

- Hoạt động kinh doanh theo quy định, sản xuất kinh doanh có lãi, tạo việc làm ổn định và thu nhập hợp pháp cho người lao động.

- Bảo toàn, phát triển và sử dụng vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có hiệu quả.

b) Ngành, nghề kinh doanh

Mã ngành	Ngành nghề
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu</i>
0113	Trồng cây lấy củ có chất bột

Mã ngành	Ngành nghề
1621	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây, gỗ chế biến</i>
0240	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp
1622	Sản xuất đồ gỗ xây dựng
0322	Nuôi trồng thủy sản nội địa
0111	Trồng lúa
0112	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác
0114	Trồng cây mía
0117	Trồng cây có hạt chứa dầu
1623	Sản xuất bao bì bằng gỗ
0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
1610	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
0150	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp
0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm
0210 (Chính)	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
0119	Trồng cây hàng năm khác
1629	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
0220	Khai thác gỗ

2. Phạm vi hoạt động kinh doanh: Trên phạm vi toàn quốc và nước ngoài.

Điều 7. Mức vốn điều lệ

Toàn bộ vốn điều lệ của Công ty do cơ quan đại diện Chủ sở hữu công ty đầu tư là 35.430.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

Điều 8. Chủ sở hữu nhà nước

1. Nhà nước là chủ sở hữu của Công ty.
2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 9. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty
 - Số lượng: 01 người.
 - Chủ tịch Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt tại Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Giám đốc để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo quy định của pháp luật. Việc ủy quyền phải được thông báo kịp thời bằng văn bản đến cơ quan đại diện Chủ sở hữu. Các trường hợp ủy quyền khác thực hiện theo quy định của Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 10. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 12. Quyền của Công ty

1. Công ty có quyền quản lý và sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn cơ quan đại diện Chủ sở hữu đã đầu tư và các loại nguồn vốn hợp pháp khác vào hoạt động kinh doanh theo quy định của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Tự chủ trong kinh doanh; chủ động lựa chọn địa bàn hoạt động; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng, nhu cầu thị trường và quy định của pháp luật.

3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng; ký kết hợp đồng kinh tế, đầu tư, hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển kinh doanh; chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

4. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn, phân bổ và sử dụng vốn.

5. Quản lý lao động, tiền lương và tổ chức bộ máy, nhân sự Công ty theo quy định của pháp luật.

6. Được quyền tuyển dụng và thuê mướn lao động, thử việc và cho nghỉ việc theo yêu cầu kinh doanh và theo quy định của Bộ Luật Lao động.

7. Kinh doanh và tổ chức kinh doanh theo quy định tại Điều 7 Luật Doanh nghiệp, phù hợp theo mục tiêu, ngành, nghề kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nghĩa vụ của Công ty

1. Kinh doanh đúng các ngành nghề đã đăng ký, tổ chức kinh doanh có hiệu quả, đồng thời chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện Chủ sở hữu về kết quả kinh doanh; bảo toàn và phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo

quyền lợi của những người liên quan đến Công ty như các chủ nợ, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã giao kết.

2. Thực hiện đúng chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản; phân phối lợi nhuận và chế độ quản lý tài chính theo quy định của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Tuân thủ chế độ hạch toán kế toán, báo cáo thống kê, kiểm toán theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Chấp hành các quy định về tuyển dụng, hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, thỏa ước lao động tập thể và các quy định đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

6. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và quyền tham gia quản lý Công ty theo quy định của pháp luật về lao động; không phân biệt đối xử và không xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong Công ty; Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp; thực hiện tốt chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người quản lý, người lao động theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước, yêu cầu của cơ quan đại diện Chủ sở hữu và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo. Công bố công khai đầy đủ các thông tin công ty và báo cáo quyết toán hàng năm, đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty.

8. Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; xác định tiền lương thực hiện và kế hoạch tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các người quản lý khác.

9. Chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra và chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm tài sản, trách nhiệm, con người của Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

11. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác.

12. Tuân thủ quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

13. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được cơ quan đại diện Chủ sở hữu giao.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 14. Quyền, trách nhiệm của Cơ quan đại diện Chủ sở hữu đối với Công ty

1. Quyết định mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh của Công ty; Quyết định tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản Công ty.
2. Ban hành Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty.
3. Quyết định vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty.
4. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và các quyền lợi khác đối với Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên.
5. Phê duyệt đề nghị của Chủ tịch Công ty về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức, nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
6. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, hàng năm của Công ty.
7. Phê duyệt chủ trương từng dự án đầu tư xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án.
8. Quyết định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng hàng năm của người quản lý công ty và Ban kiểm soát, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Công ty.
9. Chấp thuận đề Chủ tịch Công ty phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm của Công ty.
10. Giám sát, thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chiến lược kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty. Đánh giá việc thực hiện kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả kinh doanh của công ty. Đánh giá Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc quản lý, điều hành công ty; có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại Công ty.
11. Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm ký kết hợp đồng.
12. Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn

hai thành viên trở lên; quyết định tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết.

13. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Nghĩa vụ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Công ty

1. Đầu tư đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ của Công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty.

3. Xác định và tách biệt tài sản của cơ quan đại diện Chủ sở hữu Công ty và tài sản của Công ty.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác theo phân cấp giữa cơ quan đại diện Chủ sở hữu Công ty và Chủ tịch Công ty.

5. Bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty; Bảo đảm để Chủ tịch, Giám đốc Công ty chủ động quản lý, điều hành Công ty có hiệu quả theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Cơ quan đại diện Chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì cơ quan đại diện chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

7. Cơ quan đại diện Chủ sở hữu Công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác đến hạn.

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương IV CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 16. Cơ cấu tổ chức, quản lý Công ty

Công ty được tổ chức, quản lý theo mô hình Chủ tịch Công ty, Giám đốc và Ban kiểm soát.

1. Chủ tịch Công ty.

2. Giám đốc.

3. Ban kiểm soát.

4. Các Phó Giám đốc.

5. Kế toán trưởng.

6. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

7. Các Phân trường trực thuộc.

Điều 17. Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Công ty có nhiệm kỳ không quá 05 năm. Chủ tịch Công ty có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Chủ tịch Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 93 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Quyền hạn của Chủ tịch Công ty

a) Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi; bổ sung điều lệ; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản Công ty.

b) Quyết định sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt về các nội dung sau đây:

- Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, hàng năm của Công ty.

- Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, nghỉ hưu, khen thưởng, kỷ luật, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

- Góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

- Báo cáo tài chính; phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm của Công ty.

c) Quyết định các nội dung sau đây:

- Ban hành các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý Công ty, Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến phê duyệt của cơ quan đại diện chủ sở hữu; tiền lương, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với các chức danh khác (không phải người quản lý công ty) do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm.

- Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty, Chủ tịch Công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Chủ tịch Công ty phân cấp cho Tổng giám đốc hoặc Giám đốc quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định theo quy định tại điều lệ hoặc quy chế tài chính của doanh nghiệp.

Trường hợp dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu, Chủ tịch Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.

- Chủ tịch Công ty quản lý, điều hành Công ty tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

- Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức, đơn vị cấp dưới xây dựng quy hoạch, phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp Công ty quản lý và đánh giá đối với các chức danh được phân cấp trực tiếp quản lý theo quy trình.

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty.

- Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý, phương án tổ chức kinh doanh, quy chế quản lý nội bộ Công ty, biên chế bộ máy quản lý.

- Kiểm tra, giám sát Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong kinh doanh; thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định.

- Đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định các vấn đề khác vượt thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.

- Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của Công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Công ty tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

4. Các quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh Chủ tịch Công ty.

5. Quyết định của Chủ tịch Công ty có hiệu lực kể từ ngày ký hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong quyết định đó, trừ trường hợp phải được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

6. Chủ tịch Công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 93 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

b) Có đơn xin từ chức và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản.

c) Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu.

d) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

đ) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ Chủ tịch Công ty.

7. Chủ tịch Công ty bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân không được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

b) Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

c) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty.

8. Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và chấp hành các quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính của Công ty.

đ) Chủ tịch Công ty không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

g) Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước Cơ quan đại diện chủ sở hữu trong quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn; báo cáo kịp thời với Cơ quan đại diện chủ sở hữu khi Công ty hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

h) Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của Công ty.

i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Giám đốc

1. Giám đốc Công ty do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo phương án nhân sự đã được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

Giám đốc được bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm để điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều 101 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b) Không phải là người có liên quan (vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột) của Chủ tịch Công ty, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền.

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế tương ứng trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

2. Giám đốc có các quyền sau đây:

a) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty.

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Chủ tịch Công ty và cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty.

c) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty đã được Chủ tịch Công ty chấp thuận.

đ) Bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.

e) Ký kết hợp đồng, thỏa thuận nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.

g) Kiến nghị phương án tổ chức lại Công ty, khi xét thấy cần thiết.

h) Lập và trình Chủ tịch Công ty báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh và báo cáo tài chính hàng năm.

i) Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.

k) Tuyển dụng lao động.

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Giám đốc có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết, Quyết định của Chủ tịch Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính của Công ty.

đ) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

4. Giám đốc bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều lệ này.

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

c) Quyết định vượt thẩm quyền dẫn tới hậu quả nghiêm trọng đối với Công ty.

d) Có đơn xin nghỉ việc.

đ) Khi có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác.

5. Giám đốc bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty không bảo toàn được vốn theo quy định pháp luật.

b) Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hàng năm.

c) Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của Công ty.

d) Công ty vi phạm pháp luật hoặc có hoạt động kinh doanh trái với quy định của pháp luật.

đ) Vi phạm một trong số các nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 97 và Điều 100 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

7. Các trường hợp miễn nhiệm, cách chức được nêu tại khoản 5, khoản 6 Điều này, Chủ tịch Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi quyết định.

Điều 19. Quan hệ giữa Chủ tịch Công ty và Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các Quyết định của Chủ tịch Công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc báo cáo với Chủ tịch Công ty để xem xét điều chỉnh lại quyết định. Trường hợp Chủ tịch Công ty không điều chỉnh lại quyết định thì Giám đốc có thể báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty, nhưng vẫn phải chấp hành Quyết định của Chủ tịch Công ty.

2. Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch Công ty; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch Công ty.

3. Giám đốc phải mời Chủ tịch Công ty hoặc người được Chủ tịch Công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề

án trình Chủ tịch Công ty hoặc trình cơ quan đại diện chủ sở hữu do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch Công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 20. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để giúp cơ quan đại diện chủ sở hữu kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu; việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Công ty của Chủ tịch Công ty và Giám đốc.

Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Chế độ làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát và mối quan hệ của Ban kiểm soát với các cá nhân, tổ chức có liên quan của Công ty theo Quy chế hoạt động do Cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành theo Điều 10 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

Điều 21. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc Công ty do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm có thời hạn 05 năm. Các Phó Giám đốc giúp Chủ tịch Công ty, Giám đốc điều hành một số lĩnh vực công tác theo sự phân công và ủy quyền của Chủ tịch Công ty, Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty, Giám đốc và pháp luật về những nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

2. Số lượng Phó Giám đốc không quá 03 người, Chủ tịch Công ty quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc điểm kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động.

3. Kế toán trưởng Công ty do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm có thời hạn 05 năm. Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Công ty, Giám đốc trong lĩnh vực tài chính, kế toán, thống kê. Kế toán trưởng Công ty có quyền hạn, nhiệm vụ theo phân công, ủy quyền của Chủ tịch Công ty, Giám đốc và theo quy định của Luật kế toán và các luật có liên quan.

4. Bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các Phân trường có chức năng tham mưu, kiểm tra giúp việc cho Phó Giám đốc, Giám đốc, Chủ tịch Công ty trong quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được cơ quan đại diện chủ sở hữu giao. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc quyết định sau khi được Chủ tịch Công ty chấp thuận.

Điều 22. Đơn vị trực thuộc

Các Phân trường hoạt động theo sự quản lý, điều hành của người quản lý Công ty. Trong quá trình hoạt động Chủ tịch Công ty quyết định hoặc phê duyệt việc thành lập mới hoặc chấm dứt hoạt động các Phân trường phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 23. Điều kiện tham gia quản lý doanh nghiệp khác của Chủ tịch Công ty, Giám đốc

1. Chủ tịch Công ty, Giám đốc chỉ được thành lập và giữ các chức danh quản lý, điều hành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần khác khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty giới thiệu ứng cử vào các chức danh quản lý hoặc cử làm đại diện theo ủy quyền của Công ty đối với phần vốn góp vào các doanh nghiệp đó.

2. Trường hợp Chủ tịch Công ty, Giám đốc không tham gia quản lý doanh nghiệp khác, được quyền cử thành viên khác trong Ban Giám đốc tham gia quản lý doanh nghiệp khác nhưng phải được sự đồng ý của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty.

3. Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của Chủ tịch Công ty, Giám đốc không được giữ các chức danh Kế toán trưởng, Thủ quỹ tại cùng Công ty.

Điều 24. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Các tranh chấp có liên quan đến quyền và lợi ích giữa người sử dụng lao động và người lao động được giải quyết theo quy định của pháp luật về lao động; các tranh chấp liên quan đến mối quan hệ giữa Chủ tịch Công ty, Giám đốc và bộ máy giúp việc được giải quyết thông qua phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp các bên không thống nhất thì được giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 25. Tập thể người lao động trong Công ty

Người lao động trong Công ty được thực hiện chế độ hợp đồng lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

1. Nội dung người lao động được quyết định:

a) Giao kết, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

b) Gia nhập hoặc không gia nhập tổ chức đại diện tập thể lao động tại Công ty.

c) Tham gia hoặc không tham gia đình công theo đúng quy định của pháp luật.

d) Biểu quyết nội dung thỏa ước lao động tập thể; các nội dung sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể, nội dung thương lượng tập thể đã đạt được theo quy định của pháp luật.

đ) Biểu quyết nội dung Nghị quyết Hội nghị người lao động.

e) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung người lao động được tham gia ý kiến:

a) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của Công ty liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

b) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động; đề xuất nội dung thương lượng tập thể.

c) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết.

d) Đề xuất, thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ.

đ) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty.

e) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

g) Các nội dung khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung người lao động được kiểm tra, giám sát:

a) Việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị người lao động.

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.

c) Việc sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các loại quỹ do người lao động đóng góp.

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

đ) Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người sử dụng lao động.

4. Hàng năm, Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà Chủ tịch Công ty đã thông qua, đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

5. Mọi quan hệ giữa Công ty và người lao động được thực hiện theo các quy định của pháp luật về lao động, Giám đốc Công ty lập kế hoạch để Chủ tịch Công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm nhân thọ..., phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty cũng như mối quan hệ giữa Công ty với tổ chức công đoàn và người lao động.

6. Người lao động quyết định những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này và tham gia ý kiến, kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:

- a) Hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu người lao động Công ty.
- b) Thông qua tổ chức Công đoàn Công ty.
- c) Ban Thanh tra nhân dân.
- d) Đối thoại nơi làm việc.
- đ) Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Chương VI

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 26. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ quy định tại Điều 7 của Điều lệ này có thể được điều chỉnh trong quá trình hoạt động. Công ty được bổ sung vốn điều lệ khi Công ty đang hoạt động có hiệu quả, được đánh giá theo tiêu chí quy định của Chính phủ về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, có mức vốn điều lệ hiện tại không đảm bảo thực hiện ngành, nghề kinh doanh chính đã được Chủ sở hữu phê duyệt.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ. Công ty có trách nhiệm thực hiện điều chỉnh lại mức vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bằng mức vốn thực tế đã đầu tư của Chủ sở hữu theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Trình tự, thủ tục và phương pháp xác định vốn điều lệ; quyền, trách nhiệm và nguồn bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các văn bản điều chỉnh, sửa đổi hiện hành.

Điều 27. Quản lý tài chính

Công ty thực hiện quản lý tài chính theo Quy chế quản lý tài chính do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành phù hợp với quy định có liên quan của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 28. Chế độ hạch toán Kế toán - Tài chính - Kiểm toán

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối các khoản thu, chi, có trách nhiệm bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

2. Công ty thực hiện chế độ kế toán theo quy định của Luật Kế toán và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Cuối kỳ kế toán (quý, năm) Công ty phải lập báo cáo tài chính theo quy định.

3. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật.

4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty gửi báo cáo quyết toán tài chính của Công ty (đã được kiểm toán) đến các cơ quan quản lý chức năng theo quy định; đồng gửi Chủ sở hữu Công ty.

5. Việc giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động, công khai thông tin tài chính của Công ty thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước và văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 29. Phân phối lợi nhuận

Sau khi bù đắp các khoản lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính khi đã được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

Chương VII TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 30. Tổ chức lại Công ty

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty được thực hiện theo quy định tại các Điều 198, 199, 200, 201 và 202 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chủ tịch Công ty có trách nhiệm chuẩn bị các phương án tổ chức lại Công ty để trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định.

Điều 31. Giải thể

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Theo quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty.
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong quá trình giải quyết tranh chấp tại tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

3. Trình tự, thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 32. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Luật phá sản và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

Chương VIII CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 33. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Giám đốc Công ty có trách nhiệm gửi Chủ tịch Công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty.
 - b) Báo cáo tài chính.
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo quy định.
2. Chủ tịch Công ty có quyền yêu cầu Giám đốc, người quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty.
3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Điều 34. Báo cáo và thông tin cho Cơ quan đại diện Chủ sở hữu

1. Chủ tịch Công ty lập và gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty những tài liệu sau đây:
- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty.
 - b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty.
 - c) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.
2. Ban kiểm soát trình Cơ quan đại diện Chủ sở hữu Công ty:
- a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch Công ty, Giám đốc trong tổ chức thực hiện, quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh.
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu.
3. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty trong từng trường hợp.

Điều 35. Công bố thông tin

1. Chủ tịch Công ty quyết định và chịu trách nhiệm việc công bố thông tin ra bên ngoài của Công ty. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Chủ tịch Công ty hoặc người được Chủ tịch Công ty ủy quyền.
2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin được thực hiện theo quy định của Nghị định số 47/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Chủ tịch Công ty là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương IX

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 36. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Trong quá trình hoạt động, Điều lệ có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và các quy định của pháp luật. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ do Chủ tịch Công ty đề nghị và Chủ sở hữu quyết định. Điều lệ sau khi được sửa đổi, bổ sung phải đăng ký với cơ quan cấp giấy đăng ký doanh nghiệp.

Điều 37. Quản lý con dấu của Công ty

Chủ tịch Công ty, Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật. Tất cả các văn bản của Công ty khi phát hành chính thức phải đóng dấu Công ty trên các chữ ký của một trong các chức danh sau: Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Giám đốc hoặc các chức danh quản lý khác được Chủ tịch Công ty, Giám đốc ủy quyền.

Điều 38. Giải quyết tranh chấp, tố tụng

1. Chủ tịch Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty trong việc tham gia giải quyết các tranh chấp và tham gia tố tụng tại tòa án. Chủ tịch Công ty có thể ủy quyền bằng văn bản cho Giám đốc (hoặc Phó Giám đốc) thay mặt tham gia giải quyết các tranh chấp và tham gia tố tụng.

2. Việc tranh chấp giữa Công ty với các bên có liên quan có thể được giải quyết bằng việc thương lượng, hòa giải giữa các bên trên cơ sở vận dụng các quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 40. Phạm vi thi hành

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, người quản lý, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

2. Các Quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

3. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được nêu trong Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.

4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định của pháp luật khác với những điều, khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định của pháp luật đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty./.